

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
CÔNG THƯƠNG MIỀN TRUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 412/QĐ-CDCT

Phủ Yên, ngày 14 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập cho HSSV
học kỳ 1 năm học 2022-2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG MIỀN TRUNG

Căn cứ Quyết định số 1927/QĐ-BCT ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung;

Căn cứ Quyết định 1430/QĐ-CDCT ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung về việc quy định xét, cấp học bổng cho học sinh, sinh viên trường Cao đẳng Công Thương miền Trung;

Căn cứ Hướng dẫn số 2005/HD-CDCT ngày 30 tháng 12 năm 2022 về việc hướng dẫn tổng kết học kỳ và xét học bổng khuyến khích học tập cho HSSV học kỳ 1 năm học 2022-2023;

Căn cứ Kết quả xét công nhận kết quả rèn luyện và cấp học bổng KKHT cho HSSV học kỳ 1 năm học 2022-2023 trên Bitrix từ ngày 01/3 đến 06/3/2023;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thi đua, khen thưởng học sinh sinh viên năm học 2022-2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ 1 năm học 2022-2023 cho 87 HSSV, cụ thể như sau:

Số tiền bằng số: 406.840.000 đồng;

Số tiền bằng chữ: Bốn trăm lẻ sáu triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng./.

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Thời gian hưởng học bổng là 05 tháng kể từ ngày 01/9/2022 đến ngày 31/01/2023.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm Tuyển sinh và Quan hệ doanh nghiệp, Trưởng phòng QLĐT, Kế hoạch - Tài chính, QLCL & NCKH, Trưởng các khoa và cá nhân có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*Nanl*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TS&QHDN. XA.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Kim Quyên

DANH SÁCH CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP CHO HSSV HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2022-2023
(Kèm theo Quyết định số 412 /QĐ-CDCT ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung)

STT	Khoa	Lớp	Mã HSSV	Họ đệm	Tên	Trung bình học tập	Tổng điểm rèn luyện	Xếp loại học bổng	Số tiền học phí đã đóng (VND)	Số tiền học bổng đề xuất (VND)	Ghi chú
1	ĐIỆN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA	CD D43A	2010000136	Lê Tuấn	Gỏi	8.60	89	Giỏi	4,700,000	4,800,000	
2			2010000242	Nguyễn Quang	Trung	8.50	88	Giỏi	4,700,000	4,800,000	
3			2010000193	Nguyễn Tấn	Tín	8.40	81	Giỏi	4,700,000	4,800,000	
4			2010000126	Châu Văn	An	8.30	85	Giỏi	4,700,000	4,800,000	
5		CD KTML43A	2010000267	Nguyễn Trần	Nghĩa	8.80	94	Giỏi	4,700,000	4,800,000	
6		CD D44A	2110000075	Phan Đức	Việt	8.80	100	Giỏi	4,700,000	4,800,000	
7		CD D44B	2110000082	Đoàn Minh	Hoàng	7.90	97	Khá	4,700,000	4,700,000	
8		CD KTML44A	2110000153	Đỗ Kim	Khan	7.99	86	Khá	4,700,000	4,700,000	
9		CD D45A	2211000179	Phạm Minh	Vàng	8.04	82	Giỏi	4,700,000	4,800,000	
10			2211000065	Dương Văn	Khan	7.80	80	Khá	4,700,000	4,700,000	
11			2211000047	Nguyễn Minh	Hiếu	7.68	80	Khá	4,700,000	4,700,000	
12			2211000195	Trần Quốc	Tuấn	7.41	82	Khá	4,700,000	4,700,000	
13		CD KTML45A	2110000285	Hồ Sĩ Thành	Đạt	7.84	82	Khá	4,700,000	4,700,000	
14			2211000150	Lê Quốc	Toàn	7.78	86	Khá	4,700,000	4,700,000	
15		CD DT45A	2211000151	Nguyễn Thành	Tới	8.50	88	Giỏi	4,700,000	4,800,000	
16		CD CDT45A	2211000048	Trương Quốc	Hoài	7.90	84	Khá	4,700,000	4,700,000	
17		CD DLT45A	2203000032	Phạm Nhật	Tân	7.50	80	Khá	4,700,000	4,700,000	
18		CD KTMLLT45A	2203000047	Võ Văn	Khải	9.14	90	Xuất sắc	4,700,000	5,200,000	
19			2203000051	Trần Anh	Tuấn	8.79	90	Giỏi	4,700,000	4,800,000	
20		TC D44A	2130000046	Lê Hải	Dương	9.15	92	Xuất sắc	4,700,000	5,200,000	
21			2130000057	Tổng Hữu	Nghĩa	8.58	90	Giỏi	4,700,000	4,800,000	

22			2130000058	Văn Tấn	Nhật	8.20	92	Giỏi	4,700,000	4,800,000	
23		TC ML44A	2130000127	Phan Dương Nhật	Duy	8.22	90	Giỏi	4,700,000	4,800,000	
24		TC DT44A	2130000087	Lê Thông	Thái	7.53	82	Khá	4,700,000	4,700,000	
25			2130000093	Nguyễn Ngọc	Trường	7.40	90	Khá	4,700,000	4,700,000	
26		TC KTML45A	2210000187	Võ Thanh	Tịnh	8.02	90	Giỏi	4,700,000	4,800,000	
27			2210000289	Võ Gia	Thịnh	7.59	85	Khá	4,700,000	4,700,000	
28		TC DT45A	2210000265	Võ Ngọc Minh	Thắng	7.20	83	Khá	4,700,000	4,700,000	
29	QTKD-DL-TT	CD CBMA44A	2110000002	Nguyễn Quốc	Thành	8.35	90	Giỏi	4,700,000	4,800,000	
30			2110000001	Đoàn Văn	Dũng	8.17	80	Giỏi	4,700,000	4,800,000	
31		CD NH43A	2010000815	Nguyễn Duy Thùy	Dương	8.61	90	Giỏi	4,700,000	4,800,000	
32		CD NH44A	2110000177	Phan Thị Thanh	Huyền	8.20	85	Giỏi	4,700,000	4,800,000	
33		CD TM43A	2010000072	Lương Việt	Trung	9.20	90	Xuất sắc	3,900,000	4,400,000	
34			2010000234	Đoàn Thị Thu	Sương	8.64	85	Giỏi	3,900,000	4,000,000	
35		CD TM44A	2110000307	Phạm Thị Thu	Trang	8.69	90	Giỏi	3,900,000	4,000,000	
36			2110000300	Hồ Hải	Dương	8.42	85	Giỏi	3,900,000	4,000,000	
37		CD CBMA45A	2211000117	Phạm Ngọc	Sang	8.20	85	Giỏi	4,700,000	4,800,000	
38		CD DL45A	2211000273	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	8.98	88	Giỏi	4,700,000	4,800,000	
39		CD KS45A	2211000129	Ngô Thị Thanh	Thảo	8.20	80	Giỏi	4,700,000	4,800,000	
40			2211000254	Trần Ngọc Tóc	Tiên	7.80	85	Khá	4,700,000	4,700,000	
41		CD TM45A	2211000205	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	8.41	85	Giỏi	3,900,000	4,000,000	
42			2211000212	Đặng Thị Bích	Lai	7.98	85	Khá	3,900,000	3,900,000	
43		TC CBMA44A	2130000018	Đình Văn	Tứ	8.10	85	Giỏi	4,700,000	4,800,000	
44		TC CSSD44A	2130000037	Dương Thị Thu	Ngân	8.65	85	Giỏi	4,700,000	4,800,000	
45		TC DL44A	2130000069	Lê	Lăn	8.15	86	Giỏi	4,700,000	4,800,000	
46		TC NH44A	2130000141	Võ Hoàng Gia	Phương	7.60	82	Khá	4,700,000	4,700,000	
47		TC CBMA45A	2210000149	Lê Văn	Quý	7.60	90	Khá	4,700,000	4,700,000	
48		TC CSSD45A	2210000245	Lê Như	Nguyệt	8.52	85	Giỏi	4,700,000	4,800,000	
49		TC TM45A	2210000268	Nguyễn Văn	Bình	7.04	80	Khá	3,900,000	3,900,000	
50		CD KT43A	2010000159	Bùi	Phương	9.50	90	Xuất sắc	3,900,000	4,400,000	
51		CD KT44A	2110000133	Phạm Thị Thu	Hằng	8.52	87	Giỏi	3,900,000	4,000,000	
52		CD KT45A	2211000007	Lê Thị	Bình	9.09	92	Xuất sắc	3,900,000	4,400,000	

53	TIN HỌC VÀ KINH TẾ	CD TIN43A	2211000176	Lê Tú Uyên	9.12	90	Xuất sắc	3,900,000	4,400,000	
54		CD TIN43A	2010000813	Nguyễn Linh Tường	8.60	95	Giỏi	4,700,000	4,800,000	
55			2010000176	Lý Thế Vinh	9.20	100	Xuất sắc	4,700,000	5,200,000	
56		CD TIN44A	2110000295	Nguyễn Thanh Sang	8.36	98	Giỏi	4,700,000	4,800,000	
57		CD TIN45A	2211000225	Phan Xuân Thìn	9.20	90	Xuất sắc	4,700,000	5,200,000	
58		CD TKDH45A	2211000152	Nguyễn Văn Tốt	8.20	95	Giỏi	3,900,000	4,000,000	
59		TC TIN44A	2130000235	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	8.55	100	Giỏi	4,700,000	4,800,000	
60			2130000234	Văn Tấn Tiền	8.89	93	Giỏi	4,700,000	4,800,000	
61		TC TIN45A	2210000034	Đào Ngọc Dưỡng	8.94	83	Giỏi	4,700,000	4,800,000	
62	CƠ KHÍ	CD HAN45A	2211000149	Mai Đức Toàn	8.60	83	Giỏi	4,700,000	4,800,000	
63		CD HAN44A	2110000121	Lương Công Trứ	8.29	82	Giỏi	4,700,000	4,800,000	
64		CD OTO44B	2110000225	Huỳnh Công Bách	8.50	88	Giỏi	4,700,000	4,800,000	
65		CD CK45A	2211000229	Trương Tấn Hải	8.60	100	Giỏi	4,700,000	4,800,000	
66		CD CK45A	2211000029	Mai Hoàng Duy	8.20	100	Giỏi	4,700,000	4,800,000	
67		CD CGKL 45A	2211000188	Cao Huỳnh Ý	8.20	80	Giỏi	4,700,000	4,800,000	
68		CD OTO43A	2010000007	Phan Thế Thiên	8.35	91	Giỏi	3,640,000	3,740,000	
69		CD OTO43A	2010000040	Lê Tấn Thiệu	8.26	95	Giỏi	4,700,000	4,800,000	
70		TC CK45A	2210000095	Võ Tùng Lâm	8.10	90	Giỏi	4,700,000	4,800,000	
71		TC CK45A	2210000127	Nguyễn Đức Nhân	7.40	80	Khá	4,700,000	4,700,000	
72		CD CK43A	2010000062	Phan Văn Thái	8.19	100	Giỏi	4,700,000	4,800,000	
73		CD OTO44A	2110000202	Lê Thành Luân	7.83	84	Khá	4,700,000	4,700,000	
74		CD OTO44A	2110000194	Văn Lê Xuân Hòa	7.71	84	Khá	4,700,000	4,700,000	
75		CD CK44A	2110000040	Trần Công Thành	7.38	80	Khá	4,700,000	4,700,000	
76		CD CK44A	2110000048	Trương Anh Vũ	6.89	80	Khá	4,700,000	4,700,000	
77		TC OTO45A	2210000048	Trần Phạm Vũ Hiên	7.65	82	Khá	4,700,000	4,700,000	
78			2210000053	Phan Văn Hiệu	7.45	80	Khá	4,700,000	4,700,000	
79		CD OTO43B	2010000140	Nguyễn Văn Khải	7.90	90	Khá	4,700,000	4,700,000	
80		TC OTO44B	2130000192	Nguyễn Tấn Phát	7.70	90	Khá	4,700,000	4,700,000	
81		CD OTO45A	2211000088	Phan Kỳ Nam	7.60	85	Khá	4,700,000	4,700,000	
82		CD OTO45A	2211000095	Mai Thanh Nguyên	7.33	81	Khá	4,700,000	4,700,000	
83		CD OTO45A	2211000185	Lương Tuấn Vũ	7.11	81	Khá	4,700,000	4,700,000	

84		CD OTO45A	2211000131	Trương Văn	Thi	7,06	81	Khá	4,700,000	4,700,000	
85		TC OTO44A	2130000149	Nguyễn Hữu	Công	7.86	83	Khá	4,700,000	4,700,000	
86	CN H- TN&MT	CD TD44A	2110000277	Huỳnh Xuân	Kỹ	8.26	93	Giỏi	4,700,000	4,800,000	
87		TC TD45	2210000325	Kiều Hữu Phước	Thành	7.34	81	Khá	4,700,000	4,700,000	
TỔNG TIỀN									398,240,000	406,840,000	
(Tổng tiền bằng chữ: Bốn trăm lẻ sáu triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng./.)											

Danh sách này gồm có: 87 **HSSV**

Trong đó: Xuất sắc: 8
Giỏi: 46
Khá: 33

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Linh

TT TS&QHDN
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Xuân Ánh

KẾ TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)



Võ Viết Luân

HIỆU TRƯỞNG



Trần Kim Quyên